

Mẫu vỉ: Venlafaxine STADA 37,5 mg

Kích thước: 60x94 mm

1438

418/155

Venlafaxine STADA 37,5 mg
Venlafaxin
(dưới dạng venlafaxin hydroclorid) 37,5 mg

Venlafaxine STADA 37,5 mg
Venlafaxine
(as venlafaxine hydrochloride) 37.5 mg

CTY TNHH LD STADA-VIỆT NAM STADA STADA-VN J.V. Co., Ltd. STADA CTY TNHH LD STADA-VIỆT NAM

Venlafaxine STADA 37,5 mg
Venlafaxin
(dưới dạng venlafaxin hydroclorid) 37,5 mg

Venlafaxine STADA 37,5 mg
Venlafaxine
(as venlafaxine hydrochloride) 37.5 mg

CTY TNHH LD STADA-VIỆT NAM STADA STADA-VN J.V. Co., Ltd. STADA

Venlafaxine STADA 37,5 mg
Venlafaxin
(dưới dạng venlafaxin hydroclorid) 37,5 mg

Venlafaxine STADA 37,5 mg
Venlafaxine
(as venlafaxine hydrochloride) 37.5 mg

CTY TNHH LD STADA-VIỆT NAM STADA STADA-VN J.V. Co., Ltd. STADA

Handwritten signature

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 5 / 9 / 2016

Mẫu hộp: Venlafaxine STADA 37,5 mg

Kích thước: 70x110x35 mm

Tỉ lệ: 95%



Rx THUỐC KÉ ĐƠN Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng

Venlafaxine STADA
37,5 mg Venlafaxin
(dưới dạng venlafaxin hydroclorid) 37,5 mg

Nhà sản xuất:
Công ty TNHH LD STADA-VIỆT NAM
Số 40, Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam-Singapore,
Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

STADA

Số lô SX - Batch No.:
NSX - Mfg. date:
HD - Exp. date:

70x110x35

Venlafaxine STADA
37,5 mg

SDK - Reg. No.:

Thành phần: Mỗi viên nang cứng chứa:
Venlafaxin
(dưới dạng venlafaxin hydroclorid) 37,5 mg
Tá dược vừa đủ 1 viên

Chỉ định, Cách dùng, Chống chỉ định và các thông tin khác:
Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.
Bảo quản: Trong bao bì kín, nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C.
Tiêu chuẩn áp dụng: TCSX
ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG



Rx **Venlafaxine STADA** 37,5 mg 30 viên nang cứng
30 hard gelatin capsules

Rx PRESCRIPTION DRUG 3 blisters x 10 hard gelatin capsules

Venlafaxine STADA
37,5 mg Venlafaxine
(as venlafaxine hydrochloride) 37.5 mg

Manufactured by:
STADA-VN J.V. Co., Ltd.
No. 40, Tu Do Avenue, Vietnam-Singapore Industrial Park,
Thuân An, Bình Dương Province, Vietnam

STADA

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
GD NCPT



Ds. Nguyễn Ngọc Liễu

PLUS0215

Venlafaxine STADA
37,5 mg

Barcode

Composition: Each hard gelatin capsule contains:
Venlafaxine
(as venlafaxine hydrochloride) 37.5 mg
Excipients q.s. 1 capsule

Indications, Administration, Contraindications and other precautions:
Read the package insert inside.
Store in a well-closed container, in a dry place.
Do not store above 30°C.
Manufacturer's specification
KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
READ THE PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE

Mẫu vỉ: Venlafaxine STADA 37,5 mg
Kích thước: 60x94 mm



Mẫu hộp: Venlafaxine STADA 37,5 mg
Kích thước: 70x110x55 mm
TI lệ: 83%

Handwritten signature



Rx THUỐC KÊ ĐƠN Hộp 6 vỉ x 10 viên nang cứng

Venlafaxine STADA

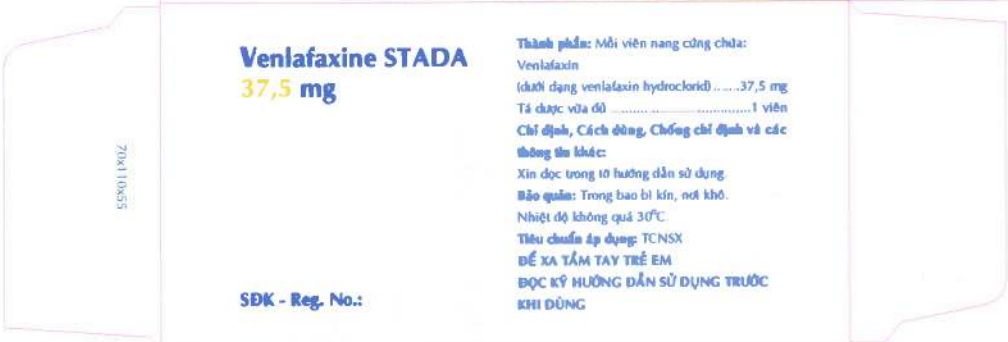
37,5 mg

Venlafaxin
(dưới dạng venlafaxin hydrochlorid) 37,5 mg

Nhà sản xuất:
Công ty TNHH LD STADA-VIET NAM
Số 40, Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam-Singapore,
Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam



Số lô SX. - Batch No.:
NSX - Mfg. date:
HD - Exp. date:



Venlafaxine STADA 37,5 mg

Thành phần: Mỗi viên nang cứng chứa:
Venlafaxin
(dưới dạng venlafaxin hydrochlorid) 37,5 mg
Tá dược vừa đủ 1 viên
Chỉ định, Cách dùng, Chống chỉ định và các
thông tin khác:
Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng
Bảo quản: Trong bao bì kín, nơi khô.
Nhiệt độ không quá 30°C.
Tiêu chuẩn áp dụng: TCNSX
ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC
KHI DÙNG

SDK - Reg. No.:

70x110x55



Rx
Venlafaxine STADA
37,5 mg
Venlafaxin
(dưới dạng venlafaxin hydrochlorid) 37,5 mg
STADA
60 viên nang cứng
hard gelatin capsules



Rx PRESCRIPTION DRUG 6 blisters x 10 hard gelatin capsules

Venlafaxine STADA

37,5 mg

Venlafaxine
(as venlafaxine hydrochloride) 37.5 mg

Manufactured by:
STADA-VN J.V. Co., Ltd.
No. 40, Tu Do Avenue, Vietnam-Singapore Industrial Park,
Thuon An, Binh Duong Province, Vietnam



TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
GD NCPT



Đs. Nguyễn Ngọc Liễu



Venlafaxine STADA 37,5 mg

Composition: Each hard gelatin capsule contains:
Venlafaxine
(as venlafaxine hydrochloride) 37.5 mg
Excipients q.s 1 capsule
Indications, Administration, Contraindications and
other precautions:
Read the package insert inside.
Store in a well-closed container, in a dry place.
Do not store above 30°C.
Manufacturer's specification
KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
READ THE PACKAGE INSERT CAREFULLY
BEFORE USE

Barcode

70x110x55

Handwritten signature or mark.

Venlafaxine STADA 37,5 mg

THÀNH PHẦN

Mỗi viên nang cứng chứa:

Venlafaxin (dưới dạng venlafaxin hydroclorid) 37,5 mg
Tá dược vừa đủ..... 1 viên
(Lactose monohydrat, microcrystallin cellulose (comprecel M102),
tinh bột natri glycolat, povidon K30, magnesi stearat)

MÔ TẢ

Viên nang cứng số 2, nắp và thân nang màu hồng đậm, có in chữ "STADA" màu đen, bên trong chứa bột thuốc màu trắng hay trắng ngà.

DƯỢC LỰC HỌC

Cơ chế chống trầm cảm của venlafaxin ở người được cho là do hoạt tính dẫn truyền thần kinh ở hệ thần kinh trung ương. Những nghiên cứu tiền lâm sàng cho thấy venlafaxin và chất chuyển hóa có hoạt tính, O-desmethylvenlafaxin (ODV), là những chất ức chế mạnh sự tái thu nhận serotonin và norepinephrin ở neuron thần kinh và ức chế yếu sự tái thu nhận dopamin. *In vitro*, venlafaxin và ODV không có ái lực đáng kể đối với thụ thể muscarin, histamin hay (alpha)-1 adrenergic. Hoạt tính dược lý trên những thụ thể này được cho là có liên quan đến các tác động khác nhau như kháng cholinergic, an thần và tác động trên tim mạch như đã được thấy ở các thuốc hướng tâm thần khác. Venlafaxin và ODV không có hoạt tính ức chế monoamin oxidase (MAO).

DƯỢC ĐỘNG HỌC

Venlafaxin được chuyển hóa rộng rãi, tạo thành chất chuyển hóa có hoạt tính, O-desmethylvenlafaxine (ODV). Thời gian bán thải trung bình của venlafaxin và ODV lần lượt là 5 ± 2 giờ và 11 ± 2 giờ. Nồng độ ổn định của venlafaxin và ODV đạt được trong 3 ngày điều trị.

Hấp thu

Ít nhất 92% venlafaxin được hấp thu sau khi uống liều đơn của dạng phóng thích nhanh. Sinh khả dụng tuyệt đối là 40 – 45% trải qua chuyển hóa lần đầu. Sau khi uống venlafaxin dạng phóng thích nhanh, nồng độ đỉnh trong huyết tương của venlafaxin và ODV đạt được tương ứng ở mức độ 2 giờ và 3 giờ. Khi dùng viên nang venlafaxin phóng thích kéo dài, nồng độ đỉnh trong huyết tương của venlafaxin và ODV đạt được tương ứng trong khoảng 5,5 giờ và 9 giờ. Khi dùng viên nén venlafaxin dạng phóng thích nhanh hoặc viên nang phóng thích kéo dài với liều dùng hằng ngày tương đương nhau, tốc độ hấp thu của viên nang phóng thích kéo dài sẽ chậm hơn viên nén phóng thích nhanh nhưng mức độ hấp thu tương đương nhau. Thức ăn không ảnh hưởng đến sinh khả dụng của venlafaxin và ODV.

Phân bố

Venlafaxin và ODV liên kết với protein huyết tương thấp (theo thứ tự là 27% và 30%) ở nồng độ điều trị.

Chuyển hóa

Venlafaxin được chuyển hóa chủ yếu qua gan. Các nghiên cứu *in vitro* và *in vivo* cho thấy rằng venlafaxin được chuyển hóa thành chất chuyển hóa chính có hoạt tính là ODV, bởi CYP2D6; venlafaxin cũng được chuyển hóa thành N-desmethylvenlafaxin, một chất chuyển hóa phụ kém hoạt tính, bởi CYP3A4; venlafaxin là chất ức chế yếu của CYP2D6. Venlafaxin không ức chế CYP1A, CYP2C9 hoặc CYP3A4.

Thải trừ

Venlafaxin và chất chuyển hóa của thuốc được thải trừ chủ yếu qua thận. Khoảng 87% liều venlafaxin được tái hấp thu trong nước tiểu trong vòng 48 giờ, dưới dạng venlafaxin không đổi (5%), ODV không liên hợp (29%), ODV dạng liên hợp (26%) hoặc các chất chuyển hóa phụ không hoạt tính khác (27%). Độ thải trừ ổn định trung bình trong huyết tương của venlafaxin và ODV lần lượt là 1,3 ± 0,6 l/giờ/kg và 0,4 ± 0,2 l/giờ/kg.

CHỈ ĐỊNH

- Điều trị các cơn trầm cảm nặng (rối loạn lo âu lan tỏa, lo âu xã hội và các rối loạn hoảng sợ, có hoặc không có chứng sợ khoảng trống).
- Phòng ngừa tái phát các cơn trầm cảm nặng.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG

Các cơn trầm cảm nặng:

Liều khởi đầu khuyến cáo là 75 mg, mỗi ngày một lần. Bệnh nhân không đáp ứng với liều khởi đầu 75 mg/ngày có thể tăng liều đến liều tối đa 375 mg/ngày. Việc tăng liều có thể được thực hiện cách quãng 2 tuần hoặc hơn.

+ Rối loạn lo âu lan tỏa:

Liều khởi đầu khuyến cáo là 75 mg, mỗi ngày một lần. Bệnh nhân không đáp ứng với liều khởi đầu 75 mg/ngày có thể tăng liều đến liều tối đa 225 mg/ngày. Việc tăng liều có thể được thực hiện cách quãng 2 tuần hoặc hơn.

+ Rối loạn lo âu xã hội:

Liều khuyến cáo là 75 mg mỗi ngày một lần. Không có bằng chứng cho thấy liều cao hơn mang lại nhiều lợi ích hơn.

Tuy nhiên, bệnh nhân không đáp ứng với liều khởi đầu 75 mg/ngày, có thể tăng liều đến liều tối đa 225 mg/ngày. Việc tăng liều có thể được thực hiện cách quãng 2 tuần hoặc hơn.

+ Rối loạn hoảng sợ:

Liều khuyến cáo 37,5 mg/ngày trong 7 ngày. Sau đó tăng liều lên 75 mg/ngày. Bệnh nhân không đáp ứng với liều 75 mg/ngày có thể tăng đến liều tối đa 225 mg/ngày. Việc tăng liều có thể được thực hiện cách quãng 2 tuần hoặc hơn.

- Phòng ngừa tái phát các cơn trầm cảm nặng:

Điều trị dài hạn cũng có thể thích hợp để phòng ngừa tái phát các cơn trầm cảm nặng. Trong hầu hết các trường hợp, liều khuyến cáo phòng ngừa các cơn trầm cảm nặng giống với liều điều trị dài hạn.

- Người lớn tuổi:

Cần thận trọng trong việc điều trị đối với người lớn tuổi. Luôn dùng liều thấp nhất có hiệu quả và bệnh nhân phải được theo dõi cẩn thận khi tăng liều.

- Bệnh nhân suy gan/ suy thận:

Tùy thuộc vào độ thanh thải khác nhau của từng cá thể, điều chỉnh liều phù hợp theo mong muốn.

- Việc tăng liều chỉ nên được thực hiện sau khi đã có đánh giá trên lâm sàng, do các tác dụng không mong muốn tương quan đến liều lượng. Nên sử dụng liều thấp nhất có tác dụng.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

- Quá mẫn với bất kì thành phần nào của thuốc.
- Các trường hợp có nguy cơ cao về loạn nhịp tim, tăng huyết áp không kiểm soát được.
- Trẻ em dưới 18 tuổi.
- Phụ nữ có thai.
- Venlafaxin phải ngưng ít nhất 7 ngày trước khi bắt đầu điều trị với các thuốc ức chế IMAO.
- Venlafaxin không được bắt đầu, ít nhất 14 ngày sau khi ngưng điều trị với thuốc ức chế IMAO.

THẬN TRỌNG

- Bệnh nhân có tiền sử nhồi máu cơ tim gần đây hoặc những bệnh nhân có khả năng bị trầm trọng khi nhịp tim tăng. Do nguy cơ tăng huyết áp phụ thuộc liều, cần theo dõi huyết áp khi điều trị.
- Cần kiểm tra cholesterol huyết thanh khi điều trị lâu dài.
- Thận trọng khi dùng venlafaxin cho bệnh nhân suy gan, thận từ vừa đến nặng và điều chỉnh liều khi cần thiết.
- Venlafaxin được dùng thận trọng với bệnh nhân có tiền sử động kinh và tránh dùng cho những người có bệnh không ổn định; nên ngưng thuốc ở bất kỳ bệnh nhân phát triển cơn động kinh hoặc gia tăng tần số động kinh.
- Thận trọng với bệnh nhân có tiền sử rối loạn chảy máu, hưng cảm nhẹ hay hưng cảm.
- Bệnh nhân tăng nhãn áp hay có nguy cơ bệnh glaucom góc đóng cần được theo dõi chặt chẽ.
- Báo ngay cho bác sĩ nếu có các biểu hiện phát ban, mề đay hay các phản ứng dị ứng có liên quan với venlafaxin.
- Bệnh nhân, đặc biệt là người cao tuổi, cần thận trọng với nguy cơ có thể bị hoa mắt, chóng váng do hạ huyết áp thể đứng.
- Các triệu chứng do ngưng thuốc hoặc giảm liều venlafaxin đột ngột bao gồm mệt mỏi, buồn ngủ, nhức đầu, buồn nôn, nôn, biếng ăn, đánh trống ngực, hoa mắt, khô miệng, tiêu chảy, mất ngủ, bối rối, lo âu, hốt hoảng, lú lẫn, hưng cảm nhẹ, dị cảm, đổ mồ hôi và chóng mặt.
- Venlafaxine STADA 37,5 mg có chứa lactose, vì vậy không nên dùng thuốc này cho bệnh nhân có vấn đề về di truyền hiếm gặp không dung nạp galactose, thiếu hụt Lapp lactase hoặc kém hấp thu glucose-galactose.



TƯƠNG TÁC THUỐC

- **Thuốc ức chế CYP3A4:** Dùng với các chất ức chế CYP3A4 (atazanavir, clarithromycin, indinavir, itraconazol, voriconazol, posaconazol, ketoconazol, neflavinir, ritonavir, saquinavir và telithromycin) có thể làm tăng nồng độ của venlafaxin và O-desmethylvenlafaxin. Vì vậy, cần thận trọng khi bệnh nhân đang dùng liệu pháp điều trị có đồng thời chất ức chế CYP3A4 và venlafaxin.
- **Lithi:** Hội chứng serotonin có thể xảy ra khi dùng đồng thời venlafaxin và lithi.
- **Thuốc ức chế monoamin oxidase:** Một số tác dụng không mong muốn nghiêm trọng đã được báo cáo ở những bệnh nhân mới ngừng sử dụng các thuốc ức chế monoamin oxidase (MAO) và bắt đầu sử dụng venlafaxin hay ngược lại. Những tác dụng này bao gồm run, rung cơ, đổ mồ hôi, buồn nôn, nôn, đỏ bừng, hoa mắt, tăng thân nhiệt với đặc điểm giống như hội chứng an thần ác tính, động kinh và tử vong. Do đó, không sử dụng venlafaxin kết hợp với thuốc ức chế MAO, hoặc trong vòng ít nhất 14 ngày sau khi đã ngừng sử dụng thuốc ức chế MAO. Dựa trên thời gian bán thải của venlafaxin, sau khi đã ngừng sử dụng venlafaxin ít nhất 7 ngày mới bắt đầu dùng thuốc ức chế MAO.
- **Các thuốc kích thích thần kinh trung ương:** Cần thận trọng khi phải kết hợp venlafaxin với các thuốc kích thích thần kinh trung ương khác.

ẢNH HƯỞNG TRÊN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC

Giống như các thuốc chống trầm cảm khác, venlafaxin có thể làm suy giảm khả năng lái xe và nếu có ảnh hưởng xảy ra, bệnh nhân không nên lái xe hay vận hành máy móc.

PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Phụ nữ có thai

Nghiên cứu trên chuột cho thấy khi cho chuột mẹ dùng thuốc từ lúc mang thai cho đến khi ngừng cho con bú có sự giảm khối lượng và tăng sự chết non của chuột con và cũng tăng tử vong ở những chuột con trong 5 ngày đầu bú sữa mẹ. Chưa có nghiên cứu đầy đủ và chuẩn xác trên phụ nữ mang thai. Vì nghiên cứu trên động vật không phải lúc nào cũng dự đoán được trên người, nên chỉ sử dụng thuốc trong thời kỳ mang thai khi thật sự cần thiết.

Phụ nữ cho con bú

Venlafaxin và ODV bài tiết được qua sữa mẹ. Do những tác dụng không mong muốn nghiêm trọng trên trẻ em bú sữa mẹ, nên quyết định hoặc ngưng cho con bú hoặc ngưng sử dụng thuốc, sau khi đã cân nhắc tầm quan trọng của thuốc đối với người mẹ.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

- **Thường gặp:** Buồn nôn, nhức đầu, mất ngủ, ngủ lơ mơ, khô miệng, hoa mắt, táo bón, suy giảm chức năng sinh dục, suy nhược, đổ mồ hôi, hốt hoảng.
- **Các tác dụng không mong muốn thường gặp khác:** Biếng ăn, tiêu chảy, khó tiêu, đau bụng, lo lắng, tiểu thường xuyên, rối loạn thị giác, giãn mạch, nôn, run, cảm giác khác thường, ớn lạnh hoặc sốt, đánh trống ngực, tăng hoặc giảm cân, tăng cholesterol huyết thanh, bổi rối, dị mộng, lú lẫn, viêm khớp, đau cơ, ù tai, ngứa, khó thở và ban da. Tăng huyết áp phụ thuộc liều cũng xuất hiện ở một số bệnh nhân.
- **Các tác dụng không mong muốn ít gặp hơn:** Tăng enzym gan có thể hồi phục, hạ huyết áp thể đứng, ngất, loạn nhịp tim, nhịp tim nhanh, chảy máu niêm mạc, vết bầm máu, ảo giác, nghiêng rặng lúc ngủ, co thắt cơ, chứng máy cơ, rụng tóc, thay đổi vị giác, bí tiểu, rong kinh, phù mạch và các phản ứng nhạy cảm ánh sáng.

- Hiếm gặp cơ giât, tăng tiết sữa, xuất huyết gồm chảy máu tiêu hóa, phản vệ, viêm gan, hồng ban đa dạng, hội chứng Stevens-Johnson, mắt điều hòa, chứng loạn vận ngôn, rối loạn ngoại tháp gồm tâm vận động không nghỉ và chứng không ngồi yên, hoạt hóa hưng cảm hoặc hưng cảm nhẹ. Những phản ứng không mong muốn hiếm gặp khác gồm loạn thể tạng máu như mất bạch cầu hạt, thiếu máu bất sản, giảm bạch cầu trung tính, giảm toàn thể huyết cầu và giảm tiểu cầu, kéo dài khoảng QT và xoắn đỉnh, nhịp nhanh thất hoặc rung thất, ly giải cơ vân, mê sảng, viêm tụy và tăng bạch cầu ái toan ở phổi.
- Hành vi hung hăng xuất hiện khi điều trị với venlafaxin đặc biệt là lúc khởi đầu và lúc ngừng điều trị. Ý định tự tử đã được báo cáo, đặc biệt ở trẻ em. Có thể hạ natri huyết do bài tiết hormon kháng lợi niệu không thích hợp liên quan đến việc sử dụng các thuốc chống trầm cảm, đặc biệt là ở người lớn tuổi.

QUÁ LIỀU VÀ XỬ TRÍ

Triệu chứng

Quá liều venlafaxin xảy ra chủ yếu khi kết hợp với rượu và/hoặc các thuốc khác. Bất thường điện tâm đồ (như kéo dài khoảng QT, phong bế bó nhánh, kéo dài khoảng QRS), nhanh nhịp xoang và tâm thất, nhịp tim chậm, hạ huyết áp, mất tỉnh táo (từ buồn ngủ đến hôn mê), ly giải cơ vân, động kinh, chóng mặt, hoại tử gan và tử vong đã được báo cáo.

Xử trí

Đảm bảo tốt đường thở, oxy, và thông khí. Theo dõi nhịp tim và các dấu hiệu sinh tồn. Nếu cần thiết, rửa dạ dày với ống thông dạ dày lớn có sự bảo vệ đường thở thích hợp có thể được chỉ định nếu thực hiện sớm khi mới uống thuốc hay mới có triệu chứng. Nên sử dụng than hoạt tính. Vì thể tích phân bố của thuốc lớn nên phương pháp lợi tiểu cưỡng bức, thẩm tách, thay máu và truyền máu không có lợi. Hiện vẫn chưa có chất giải độc đặc hiệu cho venlafaxin.

BẢO QUẢN : Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô. Nhiệt độ không quá 30°C.

HẠN DÙNG : 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

ĐÓNG GÓI : VI 10 viên. Hộp 3 vi.

VI 10 viên. Hộp 6 vi.

TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG: Tiêu chuẩn nhà sản xuất.

THUỐC NÀY CHỈ DÙNG THEO ĐƠN CỦA BÁC SĨ

Để xa tầm tay trẻ em

Không dùng thuốc quá thời hạn sử dụng

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc

Ngày duyệt nội dung toa: 08/04/2016

Nhà SX:

Công ty TNHH LD STADA-VIỆT NAM

Số 40, Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam-Singapore,

Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

ĐT: (+84) 650 3767470 - Fax: (+84) 650 3767469

STADA

**TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC
GD NCPT**



Ds. Nguyễn Ngọc Liễu



**TUQ.CỤC TRƯỞNG
P.TRƯỞNG PHÒNG
Đỗ Minh Hùng**